

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HÀ NỘI**

Bản án số: **788/2026/DSST**
Ngày 08 tháng 6 năm 2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Ngọc Liên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**

2. Bà **Ngô Thanh Thủy**

Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội ghi biên bản phiên tòa:

Bà **Phạm Thị Thùy Linh** – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1118/2025/TLST – DS ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 438/2026/QĐXX-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2026/QĐHPT-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa:

* Nguyên đơn: **Công ty cổ phần J**. Địa chỉ: **Tầng A tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội**. Người đại diện theo pháp luật: **Ông Hoàng Anh T** - Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn Phúc T1** – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Auto (Theo văn bản ủy quyền số 04/2025/UQ-TGD). Ông **Bùi Phúc T2** ủy quyền lại cho ông **Nguyễn Trung T3** và ông **Vũ Xuân Đ** theo Văn bản ủy quyền số 13311/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 03/11/2025. (Ông **Đ** có mặt).

* Bị đơn: **Ông Bùi Thái T4**. Sinh năm: 1996. Nơi cư trú cuối cùng: **Số H phố K, phường G, thành phố Hà Nội**. (Ông **T4** vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - **Công ty cổ phần J** do người đại diện theo ủy quyền là ông **Vũ Xuân Đ** trình bày:*

Ngân hàng TMCP V và ông **Bùi Thái T4** ký Hợp đồng cho vay số LN1711010299272 ngày 09/11/2017. Số tiền vay: 810.000.000 đồng (**T5** trăm mười

triệu đồng). Thời hạn vay: 83 tháng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay thông qua Khế ước nhận nợ lần 01/số LN1711010299272 ngày 10/11/2017.

Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đối với số tiền nhận nợ lần này tại thời điểm giải ngân là 10,4%/năm; mức lãi suất này được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Hợp đồng cho vay với một năm là 360 ngày. Để làm rõ, mức lãi suất quy đổi trên cơ sở một năm 365 ngày là 10,54%/năm, mức lãi suất quy đổi này không được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Hợp đồng cho vay.

Trường hợp Bên vay trả nợ khoản vay trước hạn và thời gian vay thực tế của Bên vay là không quá 15 ngày, Bên vay sẽ phải chịu mức lãi suất cho vay theo ngày với mức bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng nhưng số tiền lãi vay tối thiểu trong mọi trường hợp phải bằng 0,3% giá trị khoản vay theo Hợp đồng này hoặc 200.000 đồng tùy theo giá trị nào cao hơn.

+ Lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện theo quy định của Bên Ngân hàng tại thời điểm cơ cấu lại, nhưng không vượt quá 150% lãi suất nợ trong hạn tại thời điểm cơ cấu lại. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mức lãi suất cho vay áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại cũng được điều chỉnh định kỳ như cách điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận của Các bên trong Hợp đồng này và (các) Khế ước nhận nợ.

+ Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI SANTAFE, số khung RLUSV81CDHN007808, số máy G4KEHA917867. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30E-995.44 do **Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh** cấp ngày 09/11/2017 cho ông **Bùi Thái T4**. Theo Hợp đồng thế chấp ô tô số LN1711010299272 ngày 09/11/2017.

Trong quá trình vay, ông **Bùi Thái T4** đã trả 58.554.000 đồng tiền gốc, 46.446.084 đồng tiền lãi, tổng thanh toán 105.000.084 đồng.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng nêu trên ông **Bùi Thái T4** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay.

Ngày 27/12/2024, **Ngân hàng TMCP Việt Nam** và **Công Ty Cổ Phần J** ký hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Phụ lục đính

kèm, theo đó Ngân hàng TMCP V đã chuyển toàn bộ quyền đòi nợ cho Công ty J đối với khoản nợ của ông Bùi Thái T4.

Công ty cổ phần J rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi chậm trả là 574.000.827 đồng.

Những vấn đề Công ty cổ phần J yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Bùi Thái T4 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần J tổng số tiền tính đến ngày 08/6/2026 theo Hợp đồng cho vay đã ký là: **2.035.626.389**; Trong đó: Nợ gốc: 751.446.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 10.496.198 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 1.273.684.191 đồng;

Kể từ ngày 09/6/2026, ông Bùi Thái T4 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN1711010299272 ngày 09/11/2017; Khế ước nhận nợ lần 01/số LN1711010299272 ngày 10/11/2017.

2. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông Bùi Thái T4 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty J thì Công ty J có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI SANTAFE, số khung RLUSV81CDHN007808, số máy G4KEHA917867. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30E-995.44 do Phòng C Công an thành phố H cấp ngày 09/11/2017 cho ông Bùi Thái T4, theo Hợp đồng thế chấp số LN1711010299272 ngày 09/11/2017.

3. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Bùi Thái T4 đối với Công ty J. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Bùi Thái T4 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty J.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... cho bị đơn, tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải cho các đương sự được, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48 BLTTDS, cụ thể:

- Về thẩm quyền: Theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: Ông **Bùi Thái T4** có nơi cư trú cuối cùng: **Số H phố K, phường G, thành phố Hà Nội**. Như vậy, việc Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định về thẩm quyền.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi về phiên tòa sơ thẩm:

+ Chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty cổ phần J**; Buộc ông **Bùi Thái T4** phải thanh toán cho **Công ty cổ phần J** số tiền tính đến ngày 08/6/2026 là: **2.035.626.389 đồng**; Trong đó: Nợ gốc: 751.446.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 10.496.198 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 1.273.684.191 đồng, theo Hợp đồng cho vay số LN1711010299272 ngày 09/11/2017; Khế ước nhận nợ lần 01/số LN1711010299272 ngày 10/11/2017.

Kể từ ngày 09/6/2026, ông **Bùi Thái T4** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với Hợp đồng thế chấp ô tô số LN1711010299272 ngày 09/11/2017 được ký kết theo đúng quy định pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của **Công ty J** trong trường hợp ông **T4** không thanh toán được khoản nợ trên thì **Công ty J** có quyền yêu

cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần J rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi chậm trả là 574.000.827 đồng là tự nguyện không trái quy định pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn - ông **Bùi Thái T4** phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay số LN1711010299272 ngày 09/11/2017 giữa **V1** và ông **Bùi Thái T4**. Mục đích: Thanh toán tiền mua ô tô. Do vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn - Ông **Bùi Thái T4** có nơi cư trú cuối cùng tại: **Số H phố K, phường G, thành phố Hà Nội**. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Hà Nội.

- Ngày 18/5/2026, **Công ty CP J** gửi Công văn số 9206/2026/TB-XLN-JUPITER ngày 18/5/2026 với nội dung Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số 0110652086 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – **Sở Tài chính thành phố H** về việc thay đổi tên doanh nghiệp từ **Công ty CP J** kể từ ngày 05/5/2026. Do đó, nguyên đơn trong vụ án là **Công ty CP J**.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không đến Tòa án làm việc, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Ông **Bùi Thái T4** và **Ngân hàng TMCP V (V1)** đã ký Hợp đồng cho vay số LN1711010299272 ngày 09/11/2017 và Hợp đồng thế chấp ô tô số LN1711010299272 ngày 09/11/2017. **V1** đã giải ngân cho ông **T4** tổng số tiền là:

810.000.000 đồng thông qua Khế ước nhận nợ lần 01/số LN1711010299272 ngày 10/11/2017.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay số LN1711010299272 ngày 09/11/2017, ông T4 đã thanh toán trả cho V1 tổng số tiền là: 105.000.084 đồng; Trong đó, nợ gốc: 58.554.000 đồng; Nợ lãi: 46.446.084 đồng. Sau đó ông T4 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 16/06/2018 nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của ông T4 thành nợ quá hạn theo khoản 7 của Hợp đồng cho vay số LN1711010299272 ngày 09/11/2017.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng cho vay số LN1711010299272 ngày 09/11/2017 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự. Do đó, xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Ngân hàng TMCP V và Công Ty Cổ Phần J đã ký Hợp đồng Mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Phụ lục đính kèm, theo đó Ngân hàng TMCP V đã chuyển toàn bộ quyền đòi nợ cho Công ty J đối với khoản nợ của ông Bùi Thái T4.

Nay Công ty J khởi kiện buộc ông T4 phải thanh toán cho Công ty tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 08/6/2026 là: 2.035.626.389 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 751.446.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 10.496.198 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 1.273.684.191 đồng.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn và cách tính lãi trong hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp là đúng pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận. Do đó, việc Công ty cổ phần J khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T4 phải thanh toán trả Công ty cổ phần J số tiền nợ trên là có căn cứ chấp nhận.

Công ty cổ phần J rút yêu cầu khởi kiện đối với lãi chậm trả là 574.000.827 đồng là tự nguyện không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thế chấp ô tô số LN1711010299272 ngày 09/11/2017 ký giữa ông Bùi Thái T4 và V1. Ông T4 đã đồng ý thế chấp tài sản của mình là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI SANTAFE, số khung RLUSV81CDHN007808, số máy G4KEHA917867. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô

tô BKS: 30E-995.44 do Phòng C Công an thành phố H cấp ngày 09/11/2017 để đảm bảo cho khoản vay của ông T4 tại V1.

Như vậy, nội dung của Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên được các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và đã được ông T4 đã đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản thế chấp ngày 10/11/2017 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng. Việc ông T4 ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Vì vậy, việc ông T4 dùng tài sản của mình để đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của ông T4 theo Điều 2 của Hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lí.

Vì vậy, yêu cầu của Công ty cổ phần J đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông T4 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì Công ty cổ phần J có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên HĐXX không xem xét.

[5] Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6]. Về án phí sơ thẩm:

Công ty cổ phần J không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; Bị đơn ông Bùi Thái T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật;

- Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;
- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Căn cứ Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần J đối với ông Bùi Thái T4 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

- Buộc ông Bùi Thái T4 phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần J theo Hợp đồng cho vay số LN1711010299272 ngày 09/11/2017; Khế ước nhận nợ lần 01/số LN1711010299272 ngày 10/11/2017, tổng số tiền tính đến ngày 08/6/2026 là: **2.035.626.389** (Hai tỷ, không trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi chín) đồng. Trong đó, nợ gốc: 751.446.000 (Bảy trăm năm mươi một triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng; Nợ lãi trong hạn là: 10.496.198 (Mười triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm chín mươi tám) đồng; Nợ lãi quá hạn là: 1.273.684.191 (Một tỷ, hai trăm bảy mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, một trăm chín mươi một) đồng.

Kể từ ngày 09/6/2026, ông Bùi Thái T4 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN1711010299272 ngày 09/11/2017; Khế ước nhận nợ lần 01/số LN1711010299272 ngày 10/11/2017.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Bùi Thái T4 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền gốc và tiền lãi nói trên cho Công ty cổ phần J thì Công ty cổ phần J có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI SANTAFE, số khung RLUSV81CDHN007808, số máy G4KEHA917867. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30E-995.44 do Phòng C Công an thành phố H cấp ngày 09/11/2017 cho ông Bùi Thái T4, theo Hợp đồng thế chấp ô tô số LN1711010299272 ngày 09/11/2017.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ nợ theo hợp đồng cho vay nêu trên, nếu thừa Công ty cổ phần J phải trả lại cho ông Bùi Thái T4, nếu thiếu thì ông Bùi Thái T4 tiếp tục phải trả Công ty cổ phần J.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần J đối với ông Bùi Thái T4 về số tiền lãi chậm trả là 574.000.827 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Thái T4 phải chịu 72.712.528 (Bảy mươi hai triệu, bảy trăm mười hai nghìn, năm trăm hai mươi tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

- Công ty cổ phần J không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0020342 ngày 19/12/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2026. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội;
- Phòng THA dân sự Khu vực 1 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Ngọc Liên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

